

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN KHÁNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2018.
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Bùi Quang Bường.
Bà Nguyễn Thị Huế.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Khanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Anh T; có mặt.
Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
- *Bị đơn:* Chị Tạ Thị T1; vắng mặt.
Địa chỉ: Xóm B, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Trần Anh T trình bày: Anh và chị Tạ Thị T1 sau khoảng 1 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 7 tháng 2 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, xảy ra nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Việc vợ chồng anh mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Thực tế anh chị đã sống ly thân hơn 1 năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không về đoàn tụ được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Tạ Thị T1.

Về con chung (riêng): Anh và chị Tạ Thị T1 không có con chung (riêng) nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh và chị Tạ Thị T1 không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại văn bản ý kiến trả lời và bản tự khai ngày 8 tháng 5 năm 2018 bị đơn là chị Tạ Thị T1 trình bày: Chị và anh T sau một thời gian ngắn tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 7 tháng 2 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và đã sống ly thân 1 năm nay, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh T có đơn xin ly hôn, chị nhất trí và không có ý kiến gì.

Về con chung (riêng): Chị và anh Trần Anh T không ai có con chung (riêng) nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị và anh Trần Anh T không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là chị Tạ Thị T1, chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Anh T và chị Tạ Thị T1 là hợp pháp. Sau 2 năm chung sống hạnh phúc, anh T và chị T1 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Hai bên đã sống ly thân 1 năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh T xin ly hôn chị T1 và chị T1 nhất trí ly hôn với anh T. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa anh T và chị T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn .

3/ Về con chung (riêng): Anh Trần Anh T và chị Tạ Thị T1 không có con chung (riêng) nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh Trần Anh T và chị Tạ Thị T1 không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trần Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Anh T và chị Tạ Thị T1 được ly hôn.

2/ Về án phí: Anh Trần Anh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/ 0001750 ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh .
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh Hòa, huyện Yên Khánh.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Phương